

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TS  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST

Ngày: 12/5/2021

V/v: “Tranh chấp dân sự - Hợp  
đồng mua bán”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Minh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thanh Tùng
2. Ông Lê Văn Hoàng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: số 6, NTMK, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: số 09 TQT, khóm BL I, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: + Ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt), sinh năm 1968 (Vắng mặt)  
+ Bà Trần Thị Ngọc Th, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số 199, tổ 5, ấp TP 1, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn H trình bày:*

Vào khoảng tháng 10/2017 vợ chồng ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th có đến cơ sở mua bán bột mì của ông H thỏa thuận mua bột mì về để sản xuất bánh mì. Hình thức mua bán là mua đợt hàng về làm hết sau đó trả tiền rồi tiếp tục lấy hàng kế tiếp, nếu nghỉ mua bán thì pH thanh toán dứt điểm. Hai bên không làm hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận miệng. Tuy nhiên mỗi lần lấy hàng và trả tiền có theo dõi sổ sách hoặc khi gửi hàng cho xe đều có ký nhận vào sổ. Từ khi mua bán cho đến khi ngừng bán vào ngày 22/6/2019, kết sổ thì vợ chồng ông T, bà Th còn nợ ông tổng số tiền là 22.986.000 đồng. Mặc dù ông đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông T, bà Th trả nợ nhưng ông T, bà Th cứ hứa mà không trả. Hiện nay, ông T bà Th đã mua bột mì chỗ khác để làm.

Do ông T, bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th có trách nhiệm liên đới trả một lần cho ông số tiền còn nợ mua bột mì là 22.986.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định kể từ ngày 22/6/2019 trở về sau.

Đến ngày 04/12/2020 vợ chồng ông T, bà Th có trả cho ông được số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ 12.986.000 đồng. Nay ông H yêu cầu ông Phạm Hữu T và bà Trần Thị Ngọc Th có trách nhiệm liên đới trả một lần cho ông số tiền còn nợ mua bột mì là 12.986.000 đồng (*Mười hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/6/2019 đến ngày 03/12/2020 trên số tiền 22.986.000 đồng, từ ngày 04/12/2020 cho đến khi xét xử xong trên số tiền 12.986.000 đồng.

*\* Về phía bị đơn ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th:* Trong quá trình thụ lý vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng ông T và bà Th không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T và bà Th.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông

Nguyễn Tấn H. Buộc ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tấn H số tiền còn nợ là 12.986.000 đồng (*Mười hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/6/2019 đến ngày 03/12/2020 trên số tiền 22.986.000 đồng, từ ngày 04/12/2020 cho đến khi xét xử trên số tiền 12.986.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng mua bán, bị đơn ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th có địa chỉ tại ấp TP 1, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T và bà Th.

[2] Về nội dung:

Khoảng tháng 10/2017 vợ chồng ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th có đến cơ sở mua bán bột mì của ông Nguyễn Tấn H thỏa thuận mua bột mì về để sản xuất bánh mì. Hình thức mua bán là mua đợt hàng về làm hết sau đó trả tiền rồi tiếp tục lấy hàng kế tiếp, nếu nghỉ mua bán thì pH thanh toán dứt điểm. Hai bên không làm hợp đồng mua bán mà chỉ thỏa thuận miệng. Tuy nhiên mỗi lần lấy hàng và trả tiền có theo dõi sổ sách hoặc khi gửi hàng cho xe đều có ký nhận vào sổ. Từ khi mua bán cho đến khi ngừng bán vào ngày 22/6/2019, kết sổ thì vợ chồng ông T, bà Th còn nợ ông H tổng số tiền là 22.986.000 đồng. Đến ngày 04/12/2020 ông T và bà Th có trả cho ông H được số tiền 10.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ 12.986.000 đồng (*Mười hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán giữa hai bên đương sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có làm giấy tờ phù hợp với pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T và bà Th để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H nhưng phía ông T và bà Th đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nào

phản đối yêu cầu khởi kiện của ông H nên xem như ông T và bà Th đã từ bỏ quyền của mình, mặc nhiên thừa nhận còn nợ ông H số tiền là 12.986.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nên ông H khởi kiện yêu cầu ông T và bà Th trả số tiền còn nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Do đó, buộc ông T và bà Th pH trả cho ông Nguyễn Tấn H số tiền mua bột mì còn nợ là 12.986.000 đồng.

Về lãi suất: Ông H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/6/2019 đến ngày 03/12/2020 trên số tiền 22.986.000 đồng, từ ngày 04/12/2020 cho đến khi xét xử trên số tiền 12.986.000 đồng. Xét thấy, ông T và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H yêu cầu trả lãi suất theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên được chấp nhận. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất là 10%/năm (0,833%/tháng) nên tiền lãi được tính như sau:

- Từ ngày 22/6/2019 đến ngày 03/12/2020 là 01 năm 05 tháng 11 ngày: Số tiền gốc 22.986.000 đồng x 0,833% x 01 năm 05 tháng 11 ngày = 3.325.253 đồng.

- Từ ngày 04/12/2020 đến ngày 12/5/2021 (ngày xét xử) là 05 tháng 08 ngày: Số tiền gốc 12.986.000 đồng x 0,833% x 05 tháng 08 ngày = 569.712 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th pH trả cho ông Nguyễn Tấn H là: 12.986.000 đồng + 3.325.253 đồng + 569.712 đồng = 16.880.965 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng*).

[3] Về án phí: Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th pH chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Tấn H không pH chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn H.

Buộc ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th có nghĩa vụ trả một lần cho ông Nguyễn Tấn H tổng số tiền là 16.880.965 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm tám mươi nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 12.986.000 đồng và lãi là 3.894.965 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th pH chịu 844.048 đồng (*Tám trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bốn mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tấn H không pH chịu án phí nên được nhận lại số tiền 574.650 đồng (*Năm trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008033 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

3. Ông Nguyễn Tấn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Hữu T (Tám Kiệt) và bà Trần Thị Ngọc Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Minh Tâm**